

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 175/2023/DS-ST  
Ngày 29-9-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 435/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Diễm P, sinh năm 1975; địa chỉ: Số A đường F, Tổ A, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số B đường Đ, Tổ D, Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị Kim H1, sinh năm 1955; địa chỉ: Số B đường M, hẻm B, Tổ C, Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 5 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm P trình bày:**

Khoảng cuối năm 2022 bà Nguyễn Thị Diễm P cho cho bà Nguyễn Thị H mượn đỡ số tiền 300.000.000đ. Vì tình nghĩa bà H với người chị làm cùng bà P nên khi cho

bà H mượn số tiền 300.000.000đ hai bên không làm giấy tờ gì nhưng bà H có đưa cho bà giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số BU 791749, số vào sổ Ch04157 do UBND thành phố T cấp cho bà Phạm Thị Kim H1 ngày 14/11/2014 để làm tin.

Việc nhận số tiền 300.000.000đ được nhận tại nhà của bà P, khi đó có mặt bà H và một người đi cùng, bà H nói là bà Phạm Thị Kim H1 người đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số BU 791749, số vào sổ Ch04157, bà có xem chứng minh nhân dân của bà H1 nhưng do chứng minh lâu ngày nên đã mờ và cũng vào buổi tối nên tôi không xác định được chính xác đó có phải bà H1 không, bà chỉ nghe bà H nói đó là bà H1 nhưng quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án có mặt bà H1 thì bà thấy người mà bà H1 đi cùng với bà H vay tiền với và H1 có mặt tại Tòa án không cùng một người.

Do lâu bà H không trả số tiền trên nên bà đi tìm bà H, đến khi gặp được vào ngày 01/12/2022 thì bà mới yêu cầu bà H viết giấy mượn tiền. Theo nội dung giấy mượn tiền này thì bà H cam kết trả cho bà trong thời hạn 10 tháng, mỗi tháng trả 30.000.000đ tiền gốc, tiền lãi hai bên không thỏa thuận mà chỉ thỏa thuận bên ngoài bằng lời nói với mức lãi theo quy định của pháp luật. Toàn bộ nội dung trong Giấy mượn tiền đề ngày 01/12/2022 là do bà H viết, trong nội dung có đoạn “*Nguyễn Thị Diễm P – giúp đỡ cho tôi mượn số tiền*” có nét mực mờ hơn so với nét mực còn lại của nội dung là do khi đó bút hết mực, chứ bà hoàn toàn không tự ý ghi thêm mà toàn bộ nội dung này bà H viết. Chữ ký, chữ viết bà dấu vân tay bên người mượn tiền là của bà H.

Cho đến nay bà H vẫn chưa trả số tiền gốc nào mà chỉ trả được 13.000.000đ tiền lãi, bà H hứa hẹn nhưng không thực hiện nên buộc bà phải khởi kiện yêu cầu:

+ Yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả cho bà P số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 01/12/2022.

+ Bà Nguyễn Thị Diễm P đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số BU 791749, số vào sổ Ch04157 do UBND thành phố T cấp cho bà Phạm Thị Kim H1 ngày 14/11/2014.

**\* Bị đơn bà Nguyễn Thị H:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim H1 trình bày:** Bà H1 không biết bà Nguyễn Thị Diễm P và bà Nguyễn Thị H là ai. Khoảng năm 2021, bà có nhu cầu bán phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số BU 791749, số vào sổ Ch04157 do UBND thành phố T cấp cho bà Phạm Thị Kim H1 ngày 14/11/2014 thì người môi giới có đưa bà H đến gặp bà. Lần đầu thì người môi giới đó đi cùng bà H, sau đó bà H đến một mình. Sau khi nói chuyện, bà H nói bà đưa bản chính giấy chứng nhận để bà H xem, khi bà đưa ra, bà H đã giật bản chính và nói mượn đi phô tô, nhưng sau đó bà H đi luôn không quay lại, bà có gọi điện thì bà H hứa hẹn trả lại, sau đó bà liên lạc thì bà H

nói bị bệnh, hết bệnh sẽ mang đến trả nhưng một thời gian dài bà H vẫn không trả nên bà đã trình báo với Công an phường T về sự việc. Công an có lập biên bản về sự việc.

Sau khi trình báo công an một thời gian, bà đến phường để làm đơn có mất bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Tuy nhiên, sau đó thì bà Nguyễn Thị Diễm P đã tìm gặp bà và cũng nói rằng đang giữ bản chính của bà nên bà đã không làm đơn có mất nữa và UBND phường T mời bà và bà P lên hòa giải nhưng do hòa giải không thành nên bà P đã khởi kiện đến Tòa án.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà P về việc buộc bà H trả số tiền nợ gốc 300.000.000đ thì bà không có ý kiến vì việc vay mượn tiền hai bên không liên quan gì đến bà. Riêng bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số BU 791749, số vào sổ Ch04157 do UBND thành phố T cấp cho bà ngày 14/11/2014 thì buộc bà P phải trả lại cho bà vì bà P giữ của bà là không đúng, bà cũng không vay mượn bà P tiền nào.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:*

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Bà Nguyễn Thị Diễm P và bà Phạm Thị Kim H1 đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị H chưa chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm P đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm P có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả cho bà P số tiền đã vay là 300.000.000đ.

Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Do bị đơn bà Nguyễn Thị H cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là được đăng trên B 03 kỳ liên tiếp vào các ngày 9, 10, 11 tháng 8 năm 2023 và phát sóng trên kênh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông (V) trong 03 ngày liên tiếp, 10, 11 tháng 8 năm 2023 nhưng đến nay bà Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1]. Về số tiền gốc: Theo Giấy mượn tiền ngày 01/12/2022 có chữ ký và chữ viết họ tên của bên mượn Nguyễn Thị H thể hiện bà H có vay của bà P số tiền 300.000.000đ. Đến nay đã hết thời hạn trả nợ nhưng bà H vẫn không trả nên bà P khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H trả số tiền gốc còn nợ là 300.000.000đ.

Về phía bị đơn đã được Tòa án thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Xét thấy: Qua xem Giấy mượn tiền ngày 01/12/2022 giữa bà P và bà H mà hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Quá trình vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ 300.000.000đ theo Giấy mượn tiền ngày 01/12/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Phía nguyên đơn cũng thừa nhận rằng, khi vay bà H đã đưa cho bà P giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số BU 791749, sổ vào sổ Ch04157 do UBND thành phố T cấp cho bà Phạm Thị Kim H1 ngày 14/11/2014. Phía bà Phạm Thị Kim H1 cũng cho rằng bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số BU 791749, sổ vào sổ Ch04157 do UBND thành phố T cấp ngày 14/11/2014 mà hiện nay bà P đang giữ là của bà nên bà yêu cầu phải trả lại cho bà, vì bà hoàn toàn không đưa cho bà P mà chính bà H là người lấy của bà rồi tự ý đi cầm cố cho bà P.

Xét thấy, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU791749, sổ vào sổ cấp GCN: CH04157 do UBND thành phố T cấp ngày 14/11/2014 cho bà Phạm Thị Kim H1. Tại thời điểm bà H đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để làm tin cho bà P thì bà Nguyễn Thị H không phải là chủ sử dụng đất, trong giấy vay tiền không có chữ ký của bà Phạm Thị Kim H1 về việc đồng ý dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H1 để đảm bảo cho khoản vay số tiền 300.000.000 đồng của bà H đối với bà P. Chính bà P cũng xác định bà H1 tại thời điểm đi cùng với bà H đến nhà bà vay tiền không phải là bà H1 tại vụ án này, người vay tiền cũng là bà H chứ không phải bà H1.

Do đó, việc bà P giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H1 là trái pháp luật nên buộc bà P phải có trách nhiệm giao trả cho bà H1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số BU 791749, sổ vào sổ Ch04157 do UBND thành phố T cấp cho bà Phạm Thị Kim H1 ngày 14/11/2014.

[3]. Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

+ Về số tiền nợ gốc: Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Diễm P số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 01/12/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Diễm P trả lại cho bà Phạm Thị Kim H1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số BU 791749, số vào sổ Ch04157 do UBND thành phố T cấp cho Phạm Thị Kim H1 ngày 14/11/2014.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Nguyễn Thị Diễm P phải chịu được trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Tòa án.

2. 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

+ Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Diễm P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021-0012577 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố TDM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Thị Hằng**